

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 276/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng A. Trụ sở: Số 40-42-44 B, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo pháp luật: Bà A1, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông A2, chức vụ: Giám đốc; Người được ủy quyền lại: Ông A3, chức vụ: Q. Trưởng phòng KHCN kiêm Q. Trưởng phòng KHDN – Ngân hàng A – Chi nhánh Bạc Liêu, địa chỉ: Số 466, E, Khóm 1, Phường 7, thành phố G, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Ông H, sinh năm: 1963, bà I, sinh năm: 1968. Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2021, ông H, bà I còn nợ Ngân hàng A số tiền là: **698.574.754** đồng (*Sáu trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng*), gồm 560.000.000 đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 113.739.945 đồng, lãi quá hạn 15.051.945 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 9.782.864 đồng.

2.2. Ông H, bà I đồng ý thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là **698.574.754** đồng (*Sáu trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn,*

bảy trăm năm mươi bốn đồng), gồm 560.000.000 đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 113.739.945 đồng, lãi quá hạn 15.051.945 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 9.782.864 đồng.

2.3. Kể từ sau ngày 10 tháng 5 năm 2021, ông H và bà I còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông H và bà I phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

2.4. Trong trường hợp ông H và bà I không thanh toán nợ cho Ngân hàng A hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp của ông H và bà I đã thế chấp cho Ngân hàng tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 802/18/HĐTC-BĐSD/0200-4182 ngày 10/01/2018, tài sản thế chấp nợ vay gồm các tài sản sau: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu, diện tích **2.362m²** (Đất ở; TCLN) thuộc thửa đất số 285; tờ bản đồ số 10, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 525867 do UBND huyện O cấp ngày 23/11/2007; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, diện tích **13.162m²** (Đất trồng lúa) thuộc thửa đất số 939; tờ bản đồ số 5, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 525865 do UBND huyện V cấp ngày 23/11/2007; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, diện tích **2.772m²** (Đất trồng lúa) thuộc thửa đất số 286; tờ bản đồ số 10, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 525866 do UBND huyện V cấp ngày 23/11/2007, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H đứng tên.

2.5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 670.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), ông H và bà I phải chịu nộp 670.000 đồng. Ngân hàng A – Chi nhánh Bạc Liêu đã dự nộp 670.000 đồng và đã chi phí hết. Ngân hàng A được nhận lại số tiền 670.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu khi ông H, bà I nộp.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 31.942.990 (Ba mươi một triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm chín mươi) đồng, nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 15.971.495 (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng. Ngân hàng A phải chịu nộp 7.985.747 (Bảy triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi bảy) đồng. Ông H và bà I phải chịu nộp 7.985.747 (Bảy triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi bảy) đồng. Ông H và bà I tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 15.971.495 (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 14.579.000 (Mười bốn triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008467 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

2.7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Yến